

Bản án số: 17/2024/LĐ-ST
Ngày: 26-4-2024
V/v tranh chấp yêu cầu bồi
thường tiền trợ cấp thất nghiệp.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Rạt
2. Ông Nguyễn Chí Lin

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa – Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Ngọc Tư – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 39/2023TLST-LĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp yêu cầu bồi thường tiền trợ cấp thất nghiệp” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐXXST-LĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông Nguyễn Trường G, sinh năm 1983 (Theo Giấy ủy quyền ngày 07/02/2023).

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Bị đơn: Công ty TNHH C

Địa chỉ: Lô H, đường số G, KCN T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huang Pai T1, Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Sỹ K, Chức vụ: Giám đốc điều hành (Theo giấy ủy quyền số 01/GUQ/2024PY ngày 22/4/2024).

Địa chỉ: Số A ấp A, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

1. Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An.

Địa chỉ: Số H T tránh, phường D, Thành phố T, tỉnh Long An (vắng mặt).

2. Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh L.

Địa chỉ: Số G Quốc lộ A, khu phố F, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/02/2023 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 19/6/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Nguyễn Trường G đại diện cho nguyên đơn trình bày như sau:

Bà T làm nhân viên cho Công ty TNHH C từ tháng 7/2014 cho đến tháng 12/2021 theo dạng hợp đồng không xác định thời hạn, trong thời gian làm việc bà T tham gia đóng đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế đầy đủ nhưng khi Công ty TNHH C cho bà T nghỉ việc vào ngày 05/12/2021 thì Công ty TNHH C chót sổ bảo hiểm quá thời gian để làm thủ tục nhận tiền trợ cấp thất nghiệp nên bà T không được nhận tiền trợ cấp thất nghiệp, từ đó Công ty TNHH C tiếp tục đóng tiền bảo hiểm thất nghiệp cho bà T và ra quyết định cho bà T nghỉ việc lần hai vào ngày 01/01/2023 thì thời gian Công ty TNHH C đóng bảo hiểm thất nghiệp cho bà T không đủ 12 tháng theo quy định nên bà T không được nhận tiền trợ cấp thất nghiệp. Lỗi này thuộc về Công ty TNHH C nên bà T khởi kiện với yêu cầu Công ty TNHH C phải bồi thường cho bà T số tiền trợ cấp thất nghiệp lẽ ra bà T được nhận là 18.200.000 đồng.

Bị đơn Công ty TNHH C do ông Trần Sỹ K đại diện theo ủy quyền vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời trình bày theo bản tự khai như sau:

Sau khi Công ty TNHH C xem xét hồ sơ của bà Nguyễn Thị T thì Công ty nhận thấy có sự sai sót đối với người lao động nên Công ty chấp nhận bồi thường cho bà Nguyễn Thị T số tiền 18.200.000 đồng.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh L trình bày:

Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An xác định thời gian đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp của bà Nguyễn Thị T chưa được hưởng từ tháng 7/2014 đến 12/2022 là 07 năm 05 tháng và xác định bà Nguyễn Thị T không đủ điều kiện được hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 43 Luật Việc làm.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh L trình bày:

Tính đến ngày 05/12/2021 là ngày Công ty TNHH C cho bà Nguyễn Thị T nghỉ việc thì bà Nguyễn Thị T đủ điều kiện được hưởng trợ cấp thất nghiệp thời hạn hưởng là 07 tháng, mỗi tháng được hưởng số tiền 2.644.200 đồng.

Tính đến ngày 01/01/2023 là ngày Công ty TNHH C cho bà Nguyễn Thị T nghỉ việc thì bà Nguyễn Thị T không đủ điều kiện được hưởng trợ cấp thất nghiệp vì tổng thời gian tham gia bảo hiểm thất nghiệp chưa đủ 12 tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa phát biểu quan điểm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện tranh chấp yêu cầu bồi thường tiền trợ cấp thất nghiệp với Công ty TNHH C. Công ty TNHH C có địa chỉ trụ sở tại xã Đ huyện Đ nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý là thuộc thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 32, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Trường G đại diện cho nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Công ty TNHH C và người đại diện theo uỷ quyền của Công ty ông Trần Sỹ K vắng mặt lần thứ hai nên căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vụ án.

[3] Xét yêu cầu của đương sự:

Ông Nguyễn Trường G đại diện cho bà Nguyễn Thị T cho rằng Công nghệ Nhựa Pao Yeng chốt sổ bảo hiểm quá thời gian để làm thủ tục nhận tiền trợ cấp thất nghiệp nên bà Nguyễn Thị T không được nhận tiền trợ cấp thất nghiệp, sau đó Công ty TNHH C tiếp tục đóng tiền bảo hiểm thất nghiệp cho bà Nguyễn Thị T và ra quyết định cho bà Nguyễn Thị T nghỉ việc lần 02 vào ngày 01/01/2023 thì thời gian Công ty TNHH C đóng bảo hiểm thất nghiệp cho bà Nguyễn Thị T không đủ 12 tháng theo quy định nên bà Nguyễn Thị T không được nhận tiền trợ cấp thất nghiệp. Lỗi này thuộc về Công ty TNHH C nên bà Nguyễn Thị T khởi kiện với yêu cầu buộc Công ty TNHH C YENG phải bồi thường cho bà T số tiền trợ cấp thất nghiệp lẽ ra bà T được nhận là 18.200.000 đồng.

Xét thấy, Đến thời điểm ngày 05/12/2021 thì Công ty TNHH C có quyết định số 002/QĐNV/2021/PY cho bà Nguyễn Thị T nghỉ việc và thực tế bà Nguyễn Thị T nghỉ làm việc tại Công ty TNHH C YENG vào thời điểm ngày 05/12/2021 nhưng đến ngày 23/5/2022 thì Công ty TNHH C YENG mới chốt sổ bảo hiểm và tổng thời gian bà Nguyễn Thị T làm việc tại Công ty TNHH C YENG tính từ tháng 7/2014 là 07 năm 03 tháng. Theo quy định tại Điều 46 Luật Việc làm năm 2013 thời hạn bà Nguyễn Thị T được làm hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp chậm nhất là vào ngày 05/3/2022 nhưng đến ngày

23/5/2022 thì Công ty TNHH C YENG mới chốt sổ bảo hiểm nên bà Nguyễn Thị T không đủ điều kiện được hưởng trợ cấp thất nghiệp theo Điều 16 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm năm 2013.

Để đảm bảo quyền lợi cho bà Nguyễn Thị T thì Công ty TNHH C tiếp tục đóng bảo hiểm thất nghiệp cho bà Nguyễn Thị T đến tháng 12/2022 và ra Quyết định cho bà Nguyễn Thị T nghỉ việc vào ngày 01/01/2023 nhưng bà Nguyễn Thị T vẫn không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp vì không đủ thời gian đóng Bảo hiểm thất nghiệp 12 tháng theo quy định khoản 2 Điều 49 Luật Việc làm năm 2013.

Hơn nữa, Công ty TNHH C nhận thấy có sự sai sót trong việc đóng bảo hiểm thất nghiệp cho bà Nguyễn Thị T nên Công ty chấp nhận bồi thường cho bà Nguyễn Thị T số tiền 18.200.000 đồng như bà Nguyễn Thị T yêu cầu.

Từ đó, đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

[4] Xét quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Công ty TNHH C phải chịu 546.000đ án phí có giá ngạch về số tiền 18.200.000đ bồi thường cho bà Nguyễn Thị T theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 32, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 45, Điều 46, khoản 2 Điều 49 Luật Việc làm năm 2013.

Căn cứ khoản 1 Điều 584 và khoản 1 Điều 585 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 16 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T do ông Nguyễn Trường G đại diện theo ủy quyền về việc “Tranh chấp yêu cầu bồi thường tiền trợ cấp thất nghiệp” đối với Công ty TNHH C do ông Trần Sỹ K đại diện theo ủy quyền.

Buộc Công ty TNHH C có trách nhiệm bồi thường tiền trợ cấp thất nghiệp cho bà Nguyễn Thị T với tổng số tiền 18.200.000đ (Mười tám triệu hai trăm ngàn đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH C phải chịu 546.000đ án phí có giá ngạch sung công quỹ Nhà nước.

Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí.

3. Về kháng cáo: Án sơ thẩm xét xử công khai, các đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Quyên